

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2019.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Phan Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1993.*

HKTT: Xã P, huyện Ninh, tỉnh P

Chỗ ở hiện nay: Japan.

(Vắng mặt)

+ *Bị đơn: Anh Lâm Ngọc D, sinh năm 1993.*

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Ngõ 12 K, thị trấn B, thị xã P, tỉnh TN.

Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Ngọc D kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukouka, Nhật Bản.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống thì xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế do bất đồng quan điểm. Dần dần tình cảm không còn, hai bên trở nên xa cách và không còn muốn cố gắng về tương lai sau này. Nay chị T xác định tình cảm không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Lâm Ngọc D.

Về con chung: Chị T xác định chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên chị không thể về Việt Nam tham gia phiên tòa chị có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tại bản tự khai của bị đơn anh Lâm Ngọc D: Anh xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của chị T. Về quan hệ hôn nhân theo anh hai vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân một phần do gia đình chị T gây sức ép cho anh, dần dần ảnh hưởng đến tình cảm của hai vợ chồng. Anh và chị T cũng không cùng chung quan điểm trong lối sống gia đình, từ những mâu thuẫn đó mà bản thân anh cảm thấy chán nản không muốn có con cũng không muốn tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Nay chị T muốn xin ly hôn, anh cũng nhất trí do hai bên không còn tình cảm.

Về con chung: Anh D xác định chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh D xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn là người Việt Nam, hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, có địa chỉ cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Lâm Ngọc D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukouka, Nhật Bản là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai bên sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị T là do kinh tế nên hai vợ chồng bất đồng quan điểm, dần dần trở nên xa cách và không còn muốn cố gắng về tương lai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Trong bản tự khai của mình bị đơn anh Lâm Ngọc D cũng xác định anh và chị T có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bên nhà chị T tạo sức ép, quan điểm anh chị khác nhau trong lối sống gia đình, bản thân anh cũng thấy chán nản và không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng, không muốn có con chung với chị Trang và không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mục đích gia đình không đạt được. Về việc chị Trang xin ly hôn, anh D hoàn toàn nhất trí nên cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị T và anh D đều xác định không có.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D đều xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] □n phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T, cho chị T được ly hôn với anh Lâm Ngọc D. Con chung, tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38; Điều 147, Điều 207; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn anh Lâm Ngọc D.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đồng, (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008676 ngày 01/3/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị T được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND TT B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương